**TẬP 23**

**Chương trình Tiếng Hàn cơ bản**

**Cùng nói tiếng Hàn!**

**Tập 23 - Chủ đề Dọn dẹp nhà cửa**

| 1. **HỘI THOẠI 1** |
| --- |
| Hayoon bước ra phòng khách mở cửa sổ và hít một hơi thật sảng khoái sau khi tỉnh dậy, sau đó quay vào gọi Hà và Miki thức dậy.  **하윤:** 와 ~ 하늘이 너무 이쁘다. 날씨가 좋아 ~Ôi, bầu trời hôm nay đẹp quá. Thời tiết cũng thật đẹp.  (뒤돌아서) 자, 일어나요~ (노래 부르는 것처럼) 모두들 일어나! 일어나서 밖으로 나와 봐!  Hayun: Nào, tất cả dậy đi! Dậy rồi ra ngoài xem nào  **탄하:** (하품하면서 방에서 나옴) 하-품, 아 주말이라서 늦잠 좀 자는데 왜 깨워!  Thanh Hà: (Vừa ngáp vừa ra khỏi phòng). Ngáp. Chủ nhật ngủ nướng tí mà lại đánh thức tớ dậy thế này.  **미키:** 주말인데 잠 좀 더 자면 안 돼?  Miki: Chủ nhật ngủ thêm chút nữa không được sao?  **하윤:** 지금 몇 시인데! 어! 벌써 아홉 시가 됐어. 잠은 자면 잘수록 더 자고 싶은 법이야. 이제 그만 자. 빨리 일어나! 빨리 빨리!  Hayun: Bây giờ 9 giờ rồi đó, càng ngủ nhiều thì càng muốn ngủ thêm nữa đấy. Các cậu đừngngủ nữa. Mau dậy đi. Nhanh lên!  **미키:** 근데 무슨 일이 있는데? 주말인데 왜 이렇게 일찍 깨운 거야?  Miki: Nhưng có chuyện gì thế? Sao cuối tuần mà cậu lại đánh thức bọn tớ dậy sớm vậy?  **하윤:** 주말이지만 할 일이 있지 ~  Hayun: Tuy là cuối tuần nhưng cũng có việc cần làm đấy  **탄하:** 일? 무슨 일? 오늘은 아르바이트 안 가는 날인데?  Thanh Hà; Việc? Việc gì vậy? Hôm nay là ngày không đi làm thêm mà nhỉ?  **하윤:** 바로 집-안-일.  Hayun: Thì chính là Việc nhà đó.  **미키:** 뭐라고? 집안일?  Miki: Gì cơ? Việc nhà á?  **하윤:** 응! 이번 주 내내 시험 준비 때문에, 집안 정리할 시간이 없었잖아?  Hayun: Ừm, suốt tuần này toàn thi cử nên không có thời gian dọn dẹp sắp xếp nhà cửa còn gì.  **미키:** 음… 그렇긴 하지, 이번 주 내내 정말 바빠서 청소를 미루고 있었지.  Miki: Ừm. Đúng là thế thật, cả tuần này rất bận nên đã lùi việc dọn dẹp lại đó.  **탄하:** (찡찡대면서) 그런데, 꼭 오늘 청소해야 해? 다음에 하면 안 될까? 주말이잖아~  Thanh Hà: Nhưng mà nhất định phải dọn dẹp hôm nay sao? Mình dọn dẹp sau không được à? Nay là cuối tuần mà~~  **하윤:** 안 되지. 청소를 미루면 안 돼. 빨리 하면 빨리 할수록 좋아. 지금 바로 시작해야 돼!  Hayun: Không được. Không được trì hoãn việc dọn dẹp. Càng làm nhanh thì càng tốt. Phải bắt đầu ngay thôi!  **미키:** 음. 그래 청소는 미루면 미룰수록 나중에 하기가 더 힘들어져. 그러니까 오늘은 밀린 청소를 하자.  Miki: Ừm. Đúng thế, Việc dọn dẹp, càng dồn lại thì sau này càng mệt. Nên hôm nay bọn mình dọn dẹp đi.  **탄하:** 어휴! 싫어~ 주말은 푹 쉬어야 하는 날인데.  Thanh Hà: Thôi không muốn đâu! Cuối tuần là ngày để nghỉ ngơi thoải mái mà…  **하윤:** 그럼, 내일 학교에 갔다 와서 저녁에 쉬지 말고 청소할까? 그럴래?  Hayun: Vậy thì ngày mai đi học về xong không nghỉ ngơi gì hết mà lao vào dọn dẹp luôn nhé? Như vậy nhé?  **탄하:** 알았어 알았어, 청소할게. 으휴~ 하기 싫은데…  Thanh Hà: Tớ biết rồi, biết rồi, Sẽ dọn dẹp. Haizz chẳng thích tí nào  **미키:** 자 ~ 찡찡대지 말고 청소를 해 봅시다~ 그런데, 어디부터 청소할까? 청소하고 싶은 데를 마음대로 골라서 할까?  Miki: Thôi được rồi không mè nheo nữa, mình cùng dọn dẹp đi. Nhưng mà dọn từ đâu trước nhỉ? Hay là muốn dọn chỗ nào trước thì dọn nhỉ?  **하윤:** 잠깐 청소 순서를 정리하고 시작하자. 일단 청소 목록을 만들어 봐야 돼.  Hayun: Mình cùng sắp xếp lại thứ tự dọn dẹp rồi bắt đầu nhé! Trước tiên phải cùng lên list các công việc dọn dẹp cần làm  (종이에 집안일 목록 작성)  (Viết list việc nhà vào tờ giấy)  **하윤:** 음. 오늘은 빨래, 분리배출, 설거지, 바닥 청소, 이 정도만 하면 되겠다.  Hayun: Ùm. Hôm nay chúng ta sẽ giặt giũ, phân loại rác, rửa bát đũa, lau dọn sàn, chừng này là được rồi nhỉ?  **탄하:** 뭐부터 하는 것이 좋을까?  Thanh Hà: Nên dọn từ cái gì trước nhỉ?  **미키:** 음, 먼저 설거지부터 하자. 설거지는 늦게 하면 늦게 할수록 시간이 많이 걸려.  Miki: Ừm, Đầu tiên hãy bắt đầu từ rửa bát đi. Việc rửa bát càng để lâu thì càng mất thời gian.  **하윤:** 설거지는 누가 할래?  Hayun: Rửa bát thì ai làm đây?  **미키:** 저거 다 탄하가 먹고 쌓아 놓은 그릇이야.  Miki: chỗ đó toàn là của Thanh Hà ăn xong dồn vào đó.  **하윤:** (그릇 산더미를 보고 한숨 쉬고 탄하 어깨를 토닥하면서 말함) 그래? 으휴~그럼 탄하가 해야겠네. 화이팅!!  Hayun: (Nhìn chồng bát ngao ngán thở dài và vỗ vai Thanh Hà)Thế á? ~ Haizz, thôi thế thì Thanh Hà phải làm rồi. Cố lên nhé bạn ~  **미키:** 자, 여기 고무장갑. (고무장갑을 상을 주는 것처럼 탄하에게 건네줌) 이 영광은 탄하에게 ~  Miki: Chà, đây là găng tay cao su (Lôi găng tay cao su trao cho Thanh Hà như trao giải) Xin dành sự vinh hạnh này tới Thanh Hà  **하윤:** (앞치마를 메달처럼 탄하 목에 걸어 줌) 탄하 선수! 고생 많아~  Hayun: (Đeo tạp dề vào cổ Thanh Hà giống như đang trao huy chương) Vận động viên Thanh Hà! Cố lên!  (탄하는 부엌 쪽으로 간다. 탄하가 열심히 설거지하는 그래픽)  Thanh Hà đi về phía nhà bếp. Đồ họa cảnh Thanh Hà rửa bát chăm chỉ  **탄하:** (설거지를 마치고 등장, 고무장갑과 앞치마 차고 등장) 다 했어! 그릇이 반짝~반짝 빛나게 설거지했어.  Thanh Hà: (kết thúc rửa bát rồi xuất hiện, xuất hiện với hình ảnh đeo găng tay và dùng tạp dề) xong hết rồi. Tớ đã rửa cho bát dĩa sáng bóng loáng.  (탄하는 고무장갑을 천천히 벗고 있다가)  (Cảnh Thanh Hà đang từ từ tháo đôi găng tay xuống)  **하윤:** 음.. 다음으로.. 빨래는 누가 할까?  Hayun: Ừm. sau đây thì ai giặt giũ?  **미키:** 음. 저거 다 탄하 옷 아니야?  Miki: Ùm, Cái đó chẳng phải là quần áo của Thanh Hà sao?  **하윤:** 오 그래? 그럼 탄하가 빨아야겠네. 하는 김에 내 옷도 좀 부탁해~  Hayun: Thế à? Vậy Thanh Hà phải giặt rồi. Tiện thì cậu giặt luôn giúp tớ cái áo nhé!  **미키:** 오! 고무장갑 아직 손에 끼고 있네! 딱 좋네~  Miki: Ô, găng tay vẫn đang đeo trên tay cậu nè. Ôi tiện quá!  (탄하는 빨래하러 간다. 탄하가 열심히 빨래하는 그래픽)  (Thanh Hà đi giặt giũ. Cảnh đồ họa Thanh Hà chăm chỉ giặt giũ)  (빨래를 마치고 등장, 고무장갑과 앞치마 차고 등장) 다 했어! 뽀송~뽀송하게 빨래했어. Xong hết rồi! Tớ đã giặt quần áo sạch sẽ mềm mịn rồi đây.  (kết thúc giặt giũ rồi xuất hiện, xuất hiện với hình ảnh đeo gang tay và dùng tạp dề)  **미키:** 그럼, 분리배출은 누가 하나?  Miki: Vậy thì ai phân loại rác?  **하윤:** 음, 저것들은 다 탄하가 쇼핑한 상자들 아니야?  Hayun: Ừm, cái đó chẳng phải là những hộp đồ mà Thanh Hà đi mua sắm hay sao?  (수북하게 쌓여 있는 택배 상자 그래픽)  (Đồ họa cảnh những hộp đựng đồ mua sắm xếp chồng chất)  **미키:** 그래? 그럼 탄하가 분리배출 해야겠네. (쓰레기 봉투 건네줌)  Miki; Thế à? Vậy thì Thanh Hà phải phân loại rồi (đưa túi bóng đựng rác ra cho Hà)  **탄하:** 어? 뭐야? 왜 하면 할수록 내 일이 많아지는거야?  Thanh Hà; Ớ, gì thế này. Tại sao càng làm thì việc tớ phải làm càng nhiều lên thế.  **미키:** 그거야 당연히 탄하가 만든 일이니까, 탄하가 해결해야지.  Miki; Cái đó thì đều do Thanh Hà tạo ra nên đương nhiên Thanh Hà phải giải quyết thôi.  **탄하:** 그렇지만, 이걸 나 혼자서 다 하라고? 좀 도워줘~  Thanh Hà: Nhưng mà lại bảo tớ làm hết chỗ đó á? Thôi giúp tớ chút đi nào.  **하윤:** 그래 알았어. 도와 줄게.  그런데 다음부터는 청소를 미루지 말고 바로 바로 정리해야 돼! 알았지?  Hayun: Được rồi, tụi tớ sẽ giúp cậu. Nhưng mà sau naỳ, nhớ là không được trì hoãn việc dọn dẹp mà phải sắp xếp đâu vào đấy cho gọn gàng luôn đi nhé! Cậu rõ chưa?  **탄하:** 고마워, 내 룸메이트들은 같이 살면 같이 살수록 정말 좋은 룸메이트인 것 같아.  Thanh Hà: Cảm ơn các cậu. Những người bạn cùng phòng của tớ, đúng là càng sống cùng nhau nhiều thì càng là bạn cùng phòng tốt nhỉ.  **하윤, 미키:** 말만 잘하네! 청소나 좀 해!  Hayun: Chỉ giỏi nịnh thôi. Dọn dẹp đi này! |
| 1. **TRANH LUẬN** |
| **토론 : 청소는 매일매일 즉시 하는 것이 좋다. VS 청소는 필요할 때 해도 된다.**  Tranh luận: Dọn dẹp mỗi ngày hay khi nào cần dọn thì dọn.  **Miki**: 치울 것이 있으면, 즉시 치우는 것이 당연한 거 아니에요? 저는 매일매일 청소하는 것이 바람직하다고 생각합니다.  Miki: Có việc cần thu dọn thì phải thu dọn ngay chứ. Không phải đó là việc đương nhiên phải làm sao? Tớ cho rằng lý tưởng nhất là dọn dẹp mỗi ngày.  **Huy**: 물론 깨끗한 것이 좋기는 하죠. 그런데 매일매일 청소할 시간이 있는 것도 아닌데 굳이 그렇게 해야 할까요? 저는 필요할 때 청소하는 것이면 충분하다고 생각합니다.  Huy: Đương nhiên việc sạch sẽ thì tốt rồi. Nhưng mà đâu phải ngày nào mình cũng có thời gian dọn dẹp đâu. Nhất định cứ phải dọn dẹp mỗi ngày ư? Tớ thì khi nào cần hãy dọn là cũng được rồi.  **Miki**: ‘오늘 할 일을 내일로 미루지 말라’는 말이 있죠? 청소든 다른 일이든 미루지 말고 바로 해야 한다는 말입니다. 자기가 있는 곳을 항상 깨끗하게 해야죠. 어떻게 더러운 상태를 그냥 놔 둘 수가 있어요?  **Miki**: Có câu “Việc hôm nay chớ để ngày mai”. Tức là dù là việc dọn dẹp hay bất kì việc gì khác cũng nên thực hiện luôn. Nơi mà chúng ta sống mỗi ngày, chúng ta phải luôn luôn dọn dẹp sạch sẽ chứ. Làm sao lại có thể cứ để nó trong trạng thái bẩn như thế được?  **Huy**: 누가 더러운 상태를 그냥 놔 둔다고 했나요? 청소를 안 한다고 해서 무조건 지저분하거나 더러워지는 것은 아닙니다. 청소가 필요할 때, 그때 청소를 하면 되는 것이죠.  **Huy**: Ai bảo là cứ để nguyên tình trạng bẩn như thế đâu? Không phải không dọn dẹp là mọi thứ luộm thuộm bẩn thỉu đâu. Ý tớ là khi nào cần thì khi đó mình dọn dẹp là được.  **Miki**: 아니죠, 청소를 한 번 두 번 미루기 시작하다 보면, 결국 나중에는 미루는 것이 습관이 될걸요? 그렇게 나쁜 습관을 예방하기 위해서라면, 더럽지 않더라도 매일 청소를 하는 것이 좋다고 생각합니다.  **Miki**: Ồ không, nếu cứ dồn việc dọn dẹp một hai lần thì cuốicuùng sau này sẽ có thói quen dồn lại đấy. Để phòng tránh thói quen xấu đó thì tớ nghĩ rằng kể cả khi không bẩn cũng nên dọn dẹp mỗi ngày sẽ tốt hơn.  **Huy**: 바쁘게 살아가는 요즘 세상에 시간도 부족한데, 매일 청소하면 대충대충 청소하게 될 텐데요? 그럼 청소를 해도 하나마나 아닐까요? 저는 자주 하는 청소보다 제대로 깨끗하게 하는 청소가 더 좋다고 생각합니다. 완벽하게 하는 청소가 진짜 청소 아닌가요?  **Huy**: Dạo này cuộc sống bận rộn nên ai cũng cảm thấy thiếu thời gian. Nếu mà ngày nào cũng dọn dẹp thì chắc cũng lại dọn kiểu qua loa thôi. Vậy thì dọn dẹp cũng khác gì không dọn đâu? Theo tớ thì việc dọn dẹp một cách kỹ càng sẽ tốt hơn là dọn theo kiểu ngày nào cũng dọn qua qua. Dọn dẹp thật cẩn thận chu đáo mới chính là dọn dẹp thật sự đó.  **Miki**: 그때그때 바로바로 청소해야 항상 깨끗한 주변 환경을 유지할 수 있습니다. 청소를 시간 내서 제대로 하겠다고 마음먹으면, 청소하기 직전까지는 지저분한 상태로 지내겠다는 의미인가요? 청소도 매일 안 하는데, 혹시 매일 씻기는 하는 거죠?  **Miki**: Khi bẩn mình dọn ngay lập tức thì sẽ luôn duy trì được môi trường sống sạch sẽ. Còn nếu mình lại cứ quyết tâm dành thời gian dọn dẹp riêng thì chẳng phải là mình sẽ luôn sống trong môi trường không sạch sẽ cho đến tận khi mình lên kế hoạch dọn dẹp sao? Dọn dẹp thì không làm hàng ngày nhưng viêc tắm rửa thì ngày nào cũng làm đúng không nhỉ?  **Huy**: 청소를 좀 늦게 한다고 해서 꼭 지저분한 것은 아닌데요? 그리고 청소하고 씻는 것이 같나요? 그럼 miki 씨는 화장을 하자마자 지우고 하자마자 지우고 해야겠네요? 지금 화장도 빨리 지우세요!  **Huy**: dọn dẹp không phải cứ làm muộn chút là bẩn ngay được. Và việc dọn dẹp với việc tắm rửa thì giống nhau à? Vậy cậu cứ trang điểm rồi tẩy trang rồi trang điểm xong lại tẩy trang ngay đi. Bây giờ cậu cũng tẩy trang đi chứ còn gì?  Miki quay đi và dỗi Huy ( 미키는 휘에게 등을 돌고 삐지는 표정으로)  **Miki** 여러분, 여러분은 어떻게 생각하세요? 저처럼 **청소는 매일매일 즉시 하는 것이 좋다고 생각하시나요?**  Các bạn ơi, các bạn thì nghĩ sao ạ? Các bạn sẽ chọn là Nên dọn dẹp mỗi ngày cho gọn gàng, sạch sẽ giống mình.  **Huy: 아니면 저처럼 청소는 필요할 때 해도 된다고 생각하나요? 의견을 좀 들려 주세요~**  **Huy**: HAY LÀ giống mình - chỉ cần dọn mỗi khi cần là được? Hãy cho tụi mình lắng nghe ý kiến của các bạn nhé ~ |